

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Tháp B, xx Hàng V, quận H, thành phố H1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Minh T – Q.Giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh Đ.

Ông T ủy quyền cho ông Lê Văn N – Giám đốc Phòng giao dịch M.

Bị đơn: Ông Lữ Văn B, sinh năm 1972;

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B.

Ông B, bà D ủy quyền cho anh Trần N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lữ Văn B và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T (do Chi nhánh Đ đại diện nhận) số tiền nợ gốc là 166.097.620 đồng; tiền nợ lãi 172.801.527 đồng và tiền lãi phạt 35.494.671 đồng tính đến ngày 10/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số TA.xxxx.xx/HĐTD ngày 09/12/2010. Thời hạn hoàn trả kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/7/2017, bà B, ông D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TA.xxxx.xx/HĐTD ngày 09/12/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp nếu ông B, bà D không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật gồm diện tích đất 1.155 m², thuộc thửa số xxx, tờ bản đồ số x, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC xxxxxx do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Lữ Văn B ngày 04/11/2010) và diện tích đất 2.175 m², thuộc thửa xxx, tờ bản đồ số x, tọa lạc ấp T, xã K, huyện M (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC xxxxxx do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Lữ Văn B ngày 04/11/2010) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số xxxx.xx/HĐTC ngày 09/12/2010 để thu hồi nợ.

Về án phí:

Ông Lữ Văn B và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu nên phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.360.000 (Chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng T (do Chi nhánh Đ đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.206.000 (Chín triệu hai trăm lẻ sáu ngàn) đồng mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 000xxxxx ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Kim Sang